

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-PT

Ngày 10 tháng 10 năm 2019

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Duy Luân

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/9 và ngày 10/10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2019/QĐPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1965

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950

Đều địa chỉ: Thôn Minh C, xã Đông M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Tráng – Luật sư Văn phòng luật sư Thái Bình - Đoàn luật sư Thái Bình.

(Ông L, ông V, ông Tráng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn - ông Đoàn Văn L trình bày:*

Đầu năm 2017, ông Nguyễn Văn V đặt ông làm song cửa, cửa hậu, khung bao - bằng Inox với giá thỏa thuận là 110.000đ/01kg inox. Ông L thực hiện hợp đồng như sau:

Đợt 1: Hợp đồng bằng miệng làm song cửa sổ, cửa hậu và khung bao cửa đại hết tổng số tiền là 17.403.000 đồng, gồm: Song cửa sổ: 59,5kg, cửa hậu: 32,8kg, khung bao cửa đại: 47kg, tổng cộng: 139,3kg, thành tiền: 15.323.000 đồng. Bung tôn cổng nhà cũ hết 1.610.000 đồng (tiền tôn 1.160.000 đồng, tiền công 450.000 đồng), cộng dồn với làm song cửa, cửa đại và khung bao là: 15.323.000 đồng + 1.610.000 đồng = 16.933.000 đồng. Đến ngày 24/5/2017, ông V sang trả ông số tiền: 10.150.000 đồng, còn nợ lại 6.780.000 đồng. Tiếp sau đó ông làm tiếp cho ông V cửa tôn sắt che cổng cầu thang chống mưa gió hết 470.000 đồng, cộng với số nợ cũ là 6.780.000 đồng = 7.250.000 đồng (Bút lục 119).

Đợt 2: Ngày 22/6/2017, ông và ông V làm hợp đồng bằng văn bản (hợp đồng do ông V soạn) làm cửa, nhôm kính. Ông và ông V tiến hành ký vào bản hợp đồng và ông nhận từ ông V 10.000.000 đồng tiền tạm ứng của hợp đồng. Ông L nói với ông V nợ cũ vẫn còn nên ông sẽ đối trừ tiền nợ cho ông V, ông V nhất trí không có ý kiến gì. Số tiền làm đợt 2 là: 29.581.000 đồng gồm các khoản cụ thể sau: Cánh cửa sổ và cửa ngách: 254,9kg x 110.000 đồng = 28.039.000 đồng; nhôm, kính làm ánh sáng 200.000 đồng, cửa Inox lên cầu thang hết 1.352.000 đồng. Tổng số tiền ông V nợ ông sau khi làm xong đợt 2 là 29.581.000 đồng + 7.250.000 đồng (nợ cũ đợt 1) = 36.831.000 đồng. Ngày 26/6/2018 ông trừ cho ông V 10.000.000 đồng (tiền ông V tạm ứng cho ông L theo hợp đồng) vào sổ của ông nên còn 26.831.000 đồng (Bút lục 130).

Đợt 3: Hợp đồng bằng miệng làm chạn Inox hết số tiền là: 34,8kg x 110.000 đồng/01kg = 3.828.000 đồng. Đây là lần cuối cùng ông làm cho ông V, tổng số tiền ông V còn nợ ông qua 03 đợt làm là 26.831.000 đồng + 3.828.000 đồng = 30.659.000 đồng.

Ngày 13/8/2017, ông V trả ông số tiền 10.000.000 đồng, ông đã vào sổ của ông và xác nhận vào giấy của ông V đưa (Bút lục 130).

Ngày 25/10/2017, ông V trả ông số tiền 10.000.000 đồng, ông cùng ông V ký xác nhận vào trong sổ của ông và ông cũng xác nhận vào giấy của ông V đưa. Cả sổ của ông và giấy của ông V đều thể hiện ông V còn nợ ông số tiền 10.659.000 đồng, và ông làm tròn còn 10.600.000 đồng. Ông và ông V vui vẻ không ai có ý kiến gì về chất lượng công trình và số tiền còn nợ lại.

Như vậy toàn bộ công trình ông làm cho ông V qua 03 đợt tổng số tiền là: 17.403.000 đồng (đợt 1) + 29.581.000 đồng (đợt 2) + 3.828.000 đồng (đợt 3) = 50.812.000 đồng. Ông V đã trả tiền ông 04 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/5/2017 trả 10.153.000 đồng.

Lần 2: Ngày 22/6/2017 (trừ trong sổ ngày 26/6/2017) trả 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/8/2017 trả 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 25/10/2017 trả 10.000.000 đồng.

Tổng cộng ông V đã trả ông số tiền: 40.153.000 đồng.

Nay ông V cho rằng chỉ còn nợ ông số tiền 600.000 đồng vì ngày 26/8/2017 có trả ông 10.000.000 đồng là không đúng vì thực chất ông V chỉ trả ông số tiền qua bốn lần ông đã trình bày cụ thể như trên. Các lần trả tiền ông V đều yêu cầu ông xác nhận vào giấy của ông V nay ông V không xuất trình được lần trả ngày 26/8/2017 vì cho rằng giấy này ông đã làm mất. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án buộc ông V phải trả ông số tiền còn nợ là 10.600.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:* Ông công nhận là ông và ông L có làm hợp đồng miệng rồi hợp đồng bằng văn bản làm nội thất trong nhà bằng inox qua 03 đợt:

Đợt 1: Ông và ông L thỏa thuận miệng làm song cửa sổ, 01 cánh cửa. Tổng số tiền làm hết 10.153.000 đồng và ngày 24/5/2017 đã trả xong ông L.

Đợt 2: Ông và ông L tiếp tục thỏa thuận miệng làm khung bao cửa đại, bung tôn cổng, lắp cầu thang hết 7.250.000 đồng.

Đợt 3: Ông và ông L có lập hợp đồng bằng văn bản vào ngày 22/6/2017 với nội dung: Ông L đóng 06 cửa sổ to, 02 cửa nhỏ, làm thêm cánh cổng gác xép, cổng cầu thang, lan can và 01 tủ bát, ông V đưa cho ông L tiền ứng là 10.000.000 đồng, cả hai ông đều ký vào hợp đồng và ông L xác nhận đã nhận của ông 10.000.000 đồng. Tổng số tiền làm đợt 3 hết 33.409.000 đồng.

Tổng số tiền làm đợt 2 và đợt 3 là: 7.250.000 đồng (đợt 2) + 33.409.000 đồng (đợt 3) = 40.659.000 đồng. Ông trả cho ông L trong đợt 2 và 3 là 40.000.000 đồng cụ thể các lần như sau:

Ngày 22/6/2017 đưa cho ông L ứng 10.000.000 đồng.

Ngày 13/8/2017 trả ông L 10.000.000 đồng.

Ngày 26/8/2017 trả ông L 10.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2017 trả ông L 10.000.000 đồng.

Do đó đến nay ông chỉ còn nợ ông L 600.000 đồng và chỉ chấp nhận trả ông L 600.000 đồng.

Bản án số 03/2019/DS - ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử:

Áp dụng: Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L buộc ông Nguyễn Văn V phải thanh toán hết số tiền mua tài sản chưa thanh toán là 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn).

Ngoài ra án còn tuyên về việc thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, ông Nguyễn Văn V kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Văn V đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết của ông V tại sổ ghi tiền hàng của ông Đoàn Văn L nên ngày 05/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định

số 02/2019/QĐ-TCGD để trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Theo kết luận giám định số 175/C09-P5 ngày 05/8/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Văn V trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn V trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/9/2019, ông Nguyễn Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tổng số tiền mà ông L làm nội thất cho gia đình ông là 50.812.000 đồng, ông đã thanh toán cho ông L 05 lần bằng số tiền là 50.153.000 đồng nên ông chỉ còn nợ 659.000 đồng (ông L làm tròn thành 600.000 đồng). Đối với lần trả nợ thứ 4 (ngày 26/8/2017), ông L đã ký chốt nợ cho ông vào tờ giấy của ông, trước đây ông khai đã bị mất tờ giấy này nhưng sau khi dọn nhà ông lại tìm thấy và ngày 09/9/2019, ông V giao nộp cho Tòa án 01 tờ giấy thể hiện nội dung: “ngày 26/8. L nhận: 10 triệu (10.000.000)”. Ông V cho rằng đây chính là tờ giấy xác định việc ông L đã nhận 10.000.000 đồng vào ngày 26/8, chữ viết trong tờ giấy này là chữ của ông L viết. Ông V cũng khẳng định đây là tờ giấy trước đây ông làm mất giờ mới tìm thấy được ở dưới gầm tủ.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông L được trực tiếp xem chứng cứ mà ông V cung cấp và khẳng định chữ “Ngày 26/8” trong tờ giấy mà ông V giao nộp cho Tòa án không phải là chữ viết của ông L còn chữ “L nhận: 10 triệu (10.000.000)” thì ông L cho rằng chữ viết này cũng khá giống với chữ viết của ông nhưng nếu là chữ ông viết thì ông cũng không nhớ mình viết dòng chữ này trong hoàn cảnh nào bởi ông V rất nhiều lần sang nhà ông đưa cho ông viết vào những tờ giấy khác nhau.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn V đề nghị Hội đồng xét xử ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết của ông L trong tờ giấy mà ông mới cung cấp cho Tòa án về việc xác định lần trả nợ vào ngày 26/8. Do vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để thực hiện các thủ tục trưng cầu giám định. Ngày 25/9/2019, ông V được giao thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng hết thời hạn nộp tạm ứng chi phí giám định ông V không nộp.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V trình

bày: Ông L và ông V không có ý kiến gì về 04 lần trả nợ vào các ngày 24/5, ngày 26/6, ngày 13/8 và ngày 25/10 trong năm 2017. Tuy nhiên, ông V vẫn khẳng định ngày 26/8/2017, ông V đã trả cho ông L 10.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm ông V không cung cấp được tài liệu này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông V đã tìm được chứng cứ về việc ông L nhận của ông V 10.000.000 đồng và đã giao nộp cho Tòa án. Đánh giá giấy biên nhận tiền do ông V xuất trình tại giai đoạn xét xử phúc thẩm thì thấy: ở dòng trên ông V viết: ngày 26/8/17 trả chú L 10.000.000 đồng, nhận tiền ký tên, dòng dưới có ghi ngày 26/8 L nhận 10 triệu (10.000.000 đồng). Tại phiên tòa ông L thừa nhận chữ viết “L nhận 10 triệu (10.000.000) là của mình nhưng không thừa nhận chữ ghi “Ngày 26/8” là do mình viết. Như vậy, cho dù giấy nhận tiền do ông L ký xác nhận được ký vào ngày 26/8/2017 hay ngày nào khác không quan trọng vì nếu chữ ký vào trước ngày 25/10/2017 là ngày hai ông chốt nợ thì giấy biên nhận này do ông V không tìm thấy nên không đưa ra làm chứng từ để thanh toán vào ngày 25/10/2017. Trường hợp ông V trả ông L sau ngày 25/10/2017 thì vẫn là khoản tiền ông V trả ông L theo bản thanh toán ngày 25/10/2017. Do vậy bất luận trong mọi trường hợp dù trả trước hay trả sau ngày 25/10/2017 thì số tiền này ông L nhận của ông V là 10.000.000 đồng cần được tính vào khoản ông V đã trả ông L. Theo tài liệu, chứng cứ ông V mới xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm thì sau ngày 25/10/2017, ông V vẫn còn yêu cầu ông L làm tiếp một cánh cổng bằng inox giá 2.530.000 đồng và ông V mua lại của ông L 05 tạ xi măng giá: 660.000 đồng, đến ngày 10/11/2017, ông V đã trả ông L hai khoản này bằng 3.190.000 đồng, ông L ghi nhận tiền ở dòng dưới với nội dung “L nhận cổng inox 2.530.000 đồng + xi măng = 3.190.000 đồng”. Tuy nhiên, lần đặt hàng lần thứ tư này giữa ông L và ông V không có tranh chấp nên không đưa ra để yêu cầu giải quyết. Sở dĩ ông muốn nêu vấn đề này ra để chứng minh sau ngày 25/10/2017, ông L vẫn còn nhận tiền của ông V thì khoản 10.000.000 đồng mà ông V xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm nếu ông L không thừa nhận ngày 26/8 thì còn có khả năng ông V trả ông L sau ngày 25/10/2017 (ngày hai bên chốt sổ). Như vậy, ông V đã trả ông L 05 lần bằng số tiền là 50.153.000, nên ông V chỉ còn nợ ông

L 659.000 đồng như lời trình bày của ông V là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V đã nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V thì thấy: Ông L và ông V đều thống nhất trình bày về giá trị của các hợp đồng mua bán tài sản là 50.812.000 đồng. Ông V, ông L đều thống nhất, ông V đã trả cho ông L số tiền vào các ngày như sau: Ngày 24/5/2017 trả 10.153.000 đồng, ngày 22/6/2017 trả 10.000.000 đồng (tiền giam hợp đồng ông L trừ vào sổ ghi tiền hàng ngày 26/6/2017), ngày 13/8/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 25/10/2017 trả 10.000.000 đồng. Tuy nhiên ông L và ông V không thống nhất về số tiền nợ còn lại: Ông V cho rằng ngoài những lần trả tiền như trên, ngày 26/8/2017 ông V đã trả cho ông L số tiền 10.000.000 đồng nên ông chỉ còn nợ và có nghĩa vụ trả ông L 600.000 đồng. Còn ông L khẳng định ngoài 04 lần mà ông V trả tiền như hai ông đã thừa nhận như trên thì ông V không trả cho ông lần nào khác nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V trình bày ngày 26/8/2017 ông có trả cho ông L số tiền 10.000.000 đồng được chứng minh bằng chứng cứ ông V mới xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm là 01 tờ giấy trong đó thể hiện chữ viết của ông L về việc xác nhận việc trả nợ ngày 26/8, ông V cũng khẳng định đây là tờ giấy xác nhận trả nợ mà tại giai đoạn xét xử sơ thẩm lúc thì ông V khai là đi đường gió làm bay mất, lúc thì ông V khai là mưa làm ướt và hỏng mất tờ giấy này nhưng nay lại tìm thấy ở dưới gầm tủ nhà ông. Tuy nhiên, ông L không thừa nhận chữ viết “Ngày 26/8” trong tờ giấy đó là chữ của ông mà do người khác cố tình ngụy tạo

chứng cứ giả. Ông V đề nghị Hội đồng xét xử trung cầu giám định chữ viết của ông L trong tài liệu chứng cứ ông mới cung cấp nhưng ông V không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí giám định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, đánh giá chứng cứ mới do ông V cung cấp. Đồng thời, khi xem xét các tài liệu, chứng cứ mà ông L, ông V cung cấp và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đều xác định ngày 25/10/2017 là lần trả nợ cuối cùng và chót nợ còn lại là 10.600.000 đồng. Ông V khai và cung cấp tài liệu có ghi việc ông trả cho ông L 10.000.000 đồng ngày 26/8 (bút lục số 24) nhưng thời điểm được ghi trong tài liệu này có điểm mâu thuẫn, tại dòng đầu tiên của tài liệu ghi “Ngày 26/8/2018 trả chú L 10.000.000đ còn 30.659.000đ” nhưng các dòng còn lại lại là ghi các thời điểm trả nợ của năm 2017, mặt khác ngày trả nợ 13/8/2017 đã ghi “trả tiền của chú L mười triệu đồng, còn nợ 20.659.000 đồng, nhưng nếu giả thiết đến ngày 26/8/2017 trả tiếp 10 triệu thì số nợ còn lại phải là 10.695.000 đồng nhưng ông V lại ghi “ngày 26/8/2018 trả chú L 10.000.000đ còn 30.659.000đ” là bất hợp lý, không logic. Bản thân ông V cũng thừa nhận trong tờ giấy xác nhận việc trả nợ của ông V ông đã viết chèn thêm vào ngày trả nợ 26/8/2018. Bên cạnh đó, tại sổ ghi chép ông L giao nộp cho Tòa án, tại Bút lục số 137 ghi: ngày 25/10 anh V trả 10 triệu còn nợ lại 10.600.000 đồng và có chữ ký xác nhận của cả ông L và ông V. Tại giai đoạn phúc thẩm ông V vẫn không thừa nhận đây là chữ ký của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giám định lại và theo kết luận giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã xác định chữ ký, chữ viết đó là của ông V. Đồng thời những tài liệu này có nội dung tương đồng với tài liệu do chính ông V cung cấp (tại bút lục 24) thể hiện: Tại dòng cuối cùng ghi L nhận 10 triệu anh còn 10.600.000 đồng ngày 25/10/2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 25/10/2017 là lần trả nợ cuối cùng của ông V và đều có giấy tờ chót nợ còn lại là 10.600.000 đồng giữa ông V và ông L là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: có đủ căn cứ để xác định ông V mới chỉ trả cho ông L tổng số tiền 40.153.000 đồng qua 4 lần trả vào các ngày 24/5/2017, ngày 26/6/2017, ngày 13/8/2017 và ngày 25/10/2017 mà không có căn cứ xác định ngày 26/8/2017 ông V đã trả cho

ông L số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông V là không có căn cứ, không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

[5] Về án phí: Mặc dù yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V không được chấp nhận nhưng do ông V là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do ông V là người yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định và kết quả giám định xác định đúng chữ ký của ông V nên ông V phải chịu số tiền chi phí giám định là 6.000.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V. Giữ nguyên bản án số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Cụ thể:

Áp dụng: Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L, buộc ông Nguyễn Văn V phải thanh toán hết số tiền mua tài sản chưa thanh toán là 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0009464 ngày 30/01/2019. Ông Nguyễn Văn V phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí giám định (số tiền này ông V đã thực hiện xong).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/10/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

